

Bản án số: 02/ 2021/ HNGĐ - ST
Ngày: 29 /01/ 2021.
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN KHÁNH, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Nhật Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Anh và bà Phùng Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Việt Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Chuẩn – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 73/2020/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐST- HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/ QĐST- HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Xóm 6, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Xóm 8, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt anh Nguyễn Văn Q, còn vắng mặt chị Nguyễn Thị M (chị M vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, cùng các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Q trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị M qua thời gian tự do tìm hiểu, đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh T, huyện Yên Khánh vào ngày 29/9/2006, sau đó được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới. Sau khi cưới anh và chị M về chung sống hạnh phúc cho đến năm 2017 thì mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Sau đó anh đã chủ động chuyển ra ngoài để sinh sống, anh và chị M sống ly thân nhau kể từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh và chị M không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm giữa anh và chị M không còn, sống không có hạnh phúc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị M.

Về con: Trong quá trình chung sống cho đến nay anh và chị M có 01 con chung là cháu Nguyễn Mạnh Q1, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2007, hiện tại cháu do anh chăm sóc và nuôi dưỡng. Nay anh đề nghị Tòa án giao cháu Q1 cho anh được chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống, anh không yêu cầu chị M có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh. Về con riêng không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh Q xác định cho đến nay anh và chị M không có tài sản chung (riêng) về công nợ và đất nông nghiệp không có, nay ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, cùng các văn bản khác có trong hồ sơ bị đơn là chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Q kết hôn hợp pháp vào ngày 29/9/2006 tại UBND xã Khánh T, huyện Yên Khánh. Thực tế sau khoảng thời gian dài chung sống hạnh phúc thì vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng có những bất đồng về quan điểm sống, anh Q hay đánh bài và đến nhà những người không tốt có những cặp vợ chồng cắt bỏ nhau, tụ tập ở đây và có cả việc đánh bài nên chị thấy sẽ ảnh hưởng đến vợ chồng thì chị ngăn cấm và mâu thuẫn cũng do biên bản việc họp gia đình về chia tài sản cho các anh chị và gia đình đã mang ra Ủy ban xã để xác nhận, sau khi chị phát hiện ra UBND xã đã làm sai, xác nhận biên bản họp gia đình để làm thủ tục sang tên đất cho các anh chị thì chị đã có đơn đề nghị phòng thanh tra huyện Yên Khánh và phòng tư pháp UBND xã Khánh T, sau đó phòng thanh tra huyện cùng các cơ quan khác đã tiến hành hủy biên bản họp gia đình nên mới xảy ra mâu thuẫn, từ đó anh em nhà chồng có tác động vào tình cảm vợ chồng và nói với anh Q là chị M đi kiện gia đình, từ đó tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, dẫn đến anh đánh đập vợ con. Do cuộc sống không có hạnh phúc nên vợ chồng sống ly thân nhau, thời gian cụ thể từ bao giờ chị không nhớ rõ. Cháu Q1 trong thời gian ở nhà anh Q thì anh đi làm xa không có ở nhà nên để cháu Q1 ở nhà, nhưng chị dâu có chửi cháu trong sinh nhật và thường xuyên mắng chửi trong những ngày khác có nhiều người biết. Nay chị không nhất trí với đơn của anh Q có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Khánh T và đơn có xác nhận của Công an xã Khánh T là không hợp lệ. Nếu anh Q đồng ý giao cháu Q1 cho chị được chăm sóc và nuôi dưỡng thì chị sẽ nhất trí ly hôn. Còn không thì chị không nhất trí ly hôn.

Về con: Chị xác định cho đến nay chị và anh Q có 01 con chung là cháu Nguyễn Mạnh Q1, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2007. Nay chị có quan điểm nếu Tòa án giải quyết ly hôn, thì chị yêu cầu Tòa án giao cháu Q1 cho chị được chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị. Về con riêng không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Tại biên bản làm việc ngày 20/10/2020 chị đưa ra ý kiến là anh Q không nhất trí theo quan điểm của chị thì chị sẽ yêu cầu giải quyết về tài sản và chị sẽ thu thập các tài liệu trong thời gian từ 3 đến 5 ngày để yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản cho chị.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về thủ tục: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến trước khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã

chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn thực hiện chưa đầy đủ về quyền và nghĩa vụ theo quy định. Việc chị M vắng mặt không có lý do, song đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa họp lệ lần thứ hai. Căn cứ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án được xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn Q xử cho ly hôn với chị Nguyễn Thị M. Về con: Căn cứ nguyện vọng của cháu Q1 nên giao cháu Q1 cho anh Q được nuôi dưỡng, chăm sóc và chị M không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh Q là phù hợp. Về tài sản: Anh Q không có yêu cầu giải quyết về tài sản, chị M đưa ra ý kiến nếu anh Q không nhất trí theo quan điểm của chị thì chị sẽ yêu cầu giải quyết về tài sản, Tòa án đã tiến hành lập biên bản yêu cầu chị làm đơn, thụ lý giải quyết về tài sản theo thủ tục chung nhưng chị M không thực hiện nên không thể giải quyết trong cùng vụ án được, do vậy chị M có quyền khởi kiện bằng vụ án chia tài sản chung sau khi ly hôn là phù hợp. Về án phí anh Q phải nộp 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vào ngày 22/01/2021 có mặt anh Nguyễn Văn Q còn chị Nguyễn Thị M vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn Q có mặt còn chị Nguyễn Thị M vẫn vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị M có thời gian tự do tìm hiểu nhau, trước khi cưới anh chị đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 29 tháng 9 năm 2006 tại UBND xã Khánh T, huyện Yên Khánh, quan hệ hôn nhân giữa anh Q và chị M là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian dài, thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng có những bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mặt khác cũng do mâu thuẫn từ anh em trong gia đình nên ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Do vậy mâu thuẫn vợ chồng trở nên căng thẳng, nên năm 2017 anh Q đã chuyển ra ngoài để sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân kể từ đó cho đến nay. Tại phiên tòa anh Q vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị M. Tại bản tự khai chị M có quan điểm nếu giao con cho chị nuôi dưỡng thì chị nhất trí ly hôn. Từ những căn cứ và đánh giá nêu trên có đủ cơ sở để khẳng định anh Q và chị M không còn tình cảm dành cho nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, đã có thời gian dài sống ly thân, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của anh Q xử cho ly hôn với chị M là phù hợp.

[3] Về con: Anh Q và chị M cho đến nay có một con chung là cháu Nguyễn Mạnh Q1, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2007, hiện tại cháu đang ở cùng với anh Q.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì anh Q và chị M đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Q1 và không yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng. Song cháu Q1 lại có nguyện vọng được ở cùng với anh Q. Do vậy căn cứ vào nguyện vọng của cháu cần giáo dục cháu Q1 cho anh Q được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Q xác định không có tài sản chung (riêng) về công nợ và đất nông nghiệp không có, nên anh không yêu cầu. Chị M có ý kiến do anh Q không nhất trí theo quan điểm của chị nên chị yêu cầu giải quyết về tài sản và chị giao nộp 01 bản phô tô giấy viết tay mang tên Nguyễn Thị Thu H ghi ngày 02/9/2008 và 01 bản phô tô hóa đơn dịch vụ bưu chính, Tòa án đã tiến hành lập biên bản hai lần và yêu cầu chị trong thời hạn 15 ngày phải có đơn yêu cầu giải quyết và đưa ra số tiền cụ thể và nộp tạm ứng án phí theo thủ tục quy định, song đã quá hạn nhưng chị M vẫn không thực hiện nên không thể giải quyết trong cùng vụ án được. Vì vậy chị M có quyền khởi kiện bằng vụ án riêng về chia tài sản chung sau khi ly hôn khi chị có yêu cầu là phù hợp.

[5] **Về án phí:** Anh Q là nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung ngân sách Nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 và các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn Q về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với chị Nguyễn Thị M.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Q được ly hôn chị Nguyễn Thị M.

- Về con: Giao cháu Nguyễn Mạnh Q1, sinh ngày 06 tháng 6 năm 2007 cho Nguyễn Văn Q được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống, chị Nguyễn Thị M không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh Nguyễn Văn Q và có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị M không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Q phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình để sung ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0002228 ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- Chi cục THA DS huyện Yên Khánh .
- UBND xã Khánh T.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

Vũ Nhật Trung